

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiểu;

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGD ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐĐ, xã TC, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Phố ĐV, phường TC, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố PD, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Phố ĐV, phường TC, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2018, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau,

không thông cảm được với nhau. Vì vậy, để tạo điều kiện cho cuộc sống riêng của mỗi người được ổn định, chị Huyền đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận có 02 con chung với anh Lê Văn T là Lê Anh T, sinh ngày 15-4-2001 và Lê Thùy L, sinh ngày 04-8-2006. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị H. Vì vậy, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn, anh Lê Văn Thanh trình bày:

Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H chung sống cùng nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, không thông cảm được với nhau. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Lê Văn T xác nhận có 02 con chung với chị Nguyễn Thị H. Con chung là Lê Anh T, sinh ngày 15-4-2001 và Lê Thùy L, sinh ngày 04-8-2006. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị H. Anh T đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Sau khi nghiên cứu hồ sơ thấy rằng: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết, về tư cách tham gia tố tụng, về việc thu thập chứng cứ. Thẩm phán đã thực hiện đúng về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Về yêu cầu không công nhận vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, giấy khai sinh của con chung và các tài liệu chứng cứ khác được Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Thấy có đủ cơ sở để xác định, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 02 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 15-4-2001 và Lê Thùy L, sinh ngày 04-8-2006. Quá trình chung sống, chị H và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên không thể tiến tới hôn nhân. Vì vậy, chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Lê Văn T để ổn định cuộc sống riêng, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hai bên. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu nuôi dưỡng con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Đơn trình bày ý kiến của hai con chung, Giấy khai sinh bản sao số: ..., Quyền số: 01 ngày 23-5-2001 và Giấy khai sinh bản sao số: ..., Quyền số: 01/2006 ngày 14-8-2006 của Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TL, thành phố Hải Phòng, thấy có đủ cơ sở xác định, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 15-4-2001 và Lê Thùy L, sinh ngày 04-8-2006.

[3] Tại phiên toà, nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bị đơn đồng ý để nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hiện tại, hai con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là chị H. Thấy rằng, việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4] Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Anh T, sinh ngày 15-4-2001 và Lê Thùy L, sinh ngày 04-8-2006 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008026 ngày 19-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- THA. dân sự quận Hồng Bàng;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Hải

Nguyễn Xuân Tuất

Nguyễn Thái Thuận